

Số: 07/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

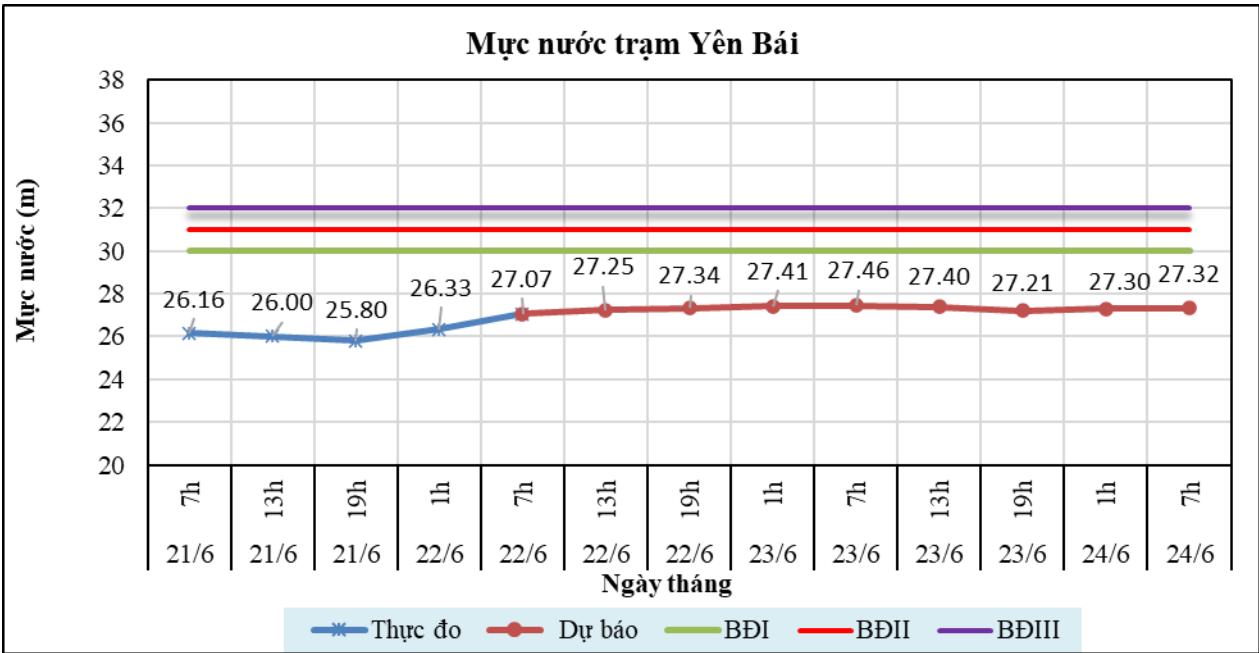
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

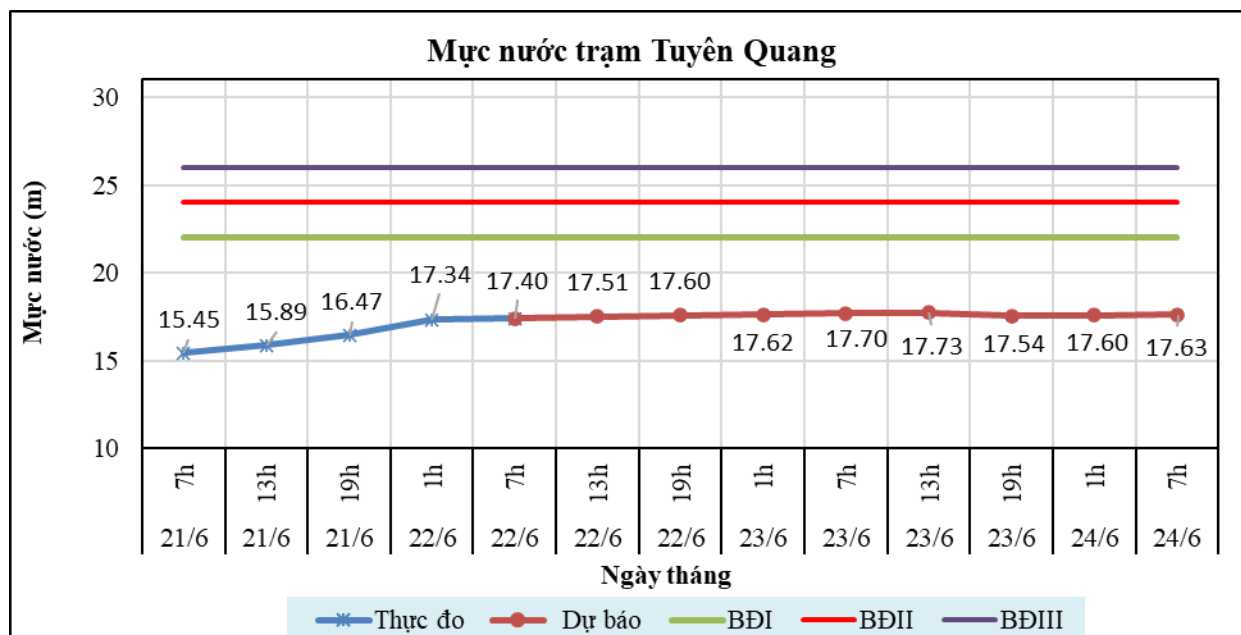
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

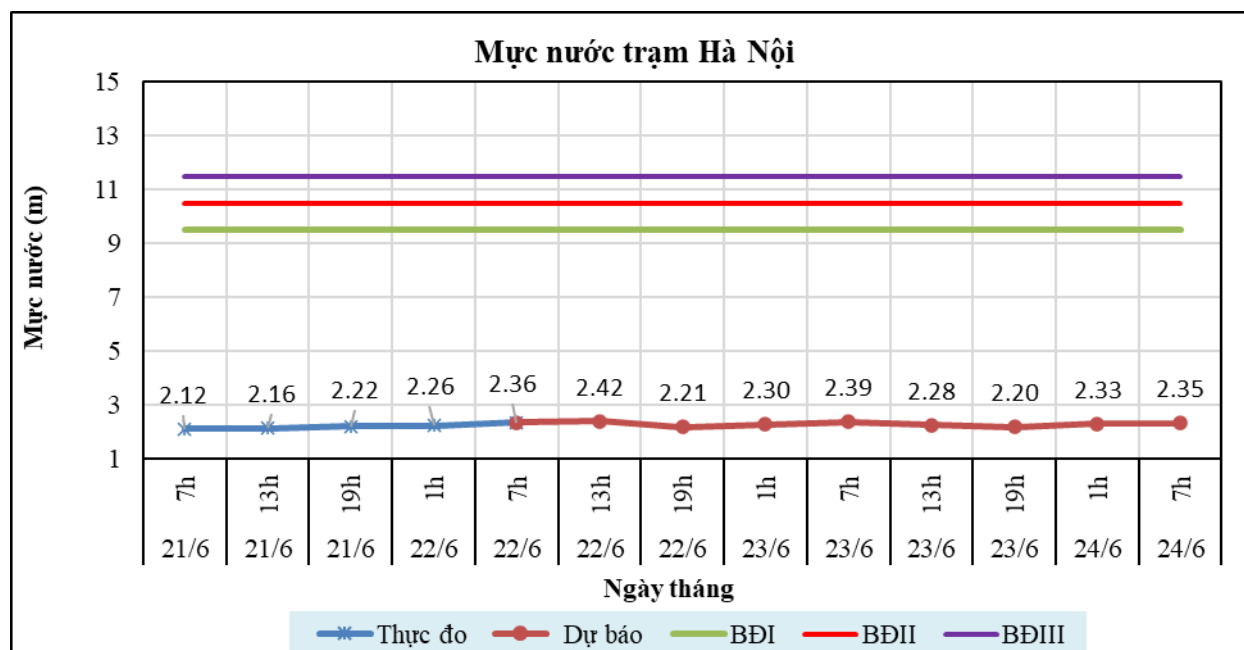
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

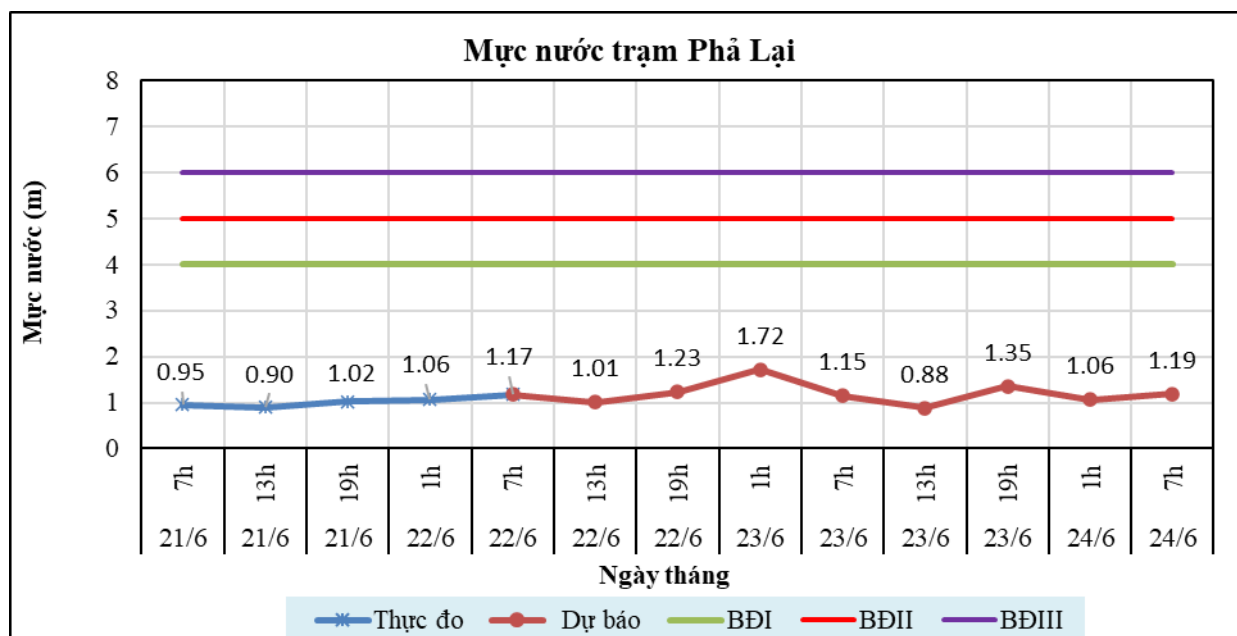
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

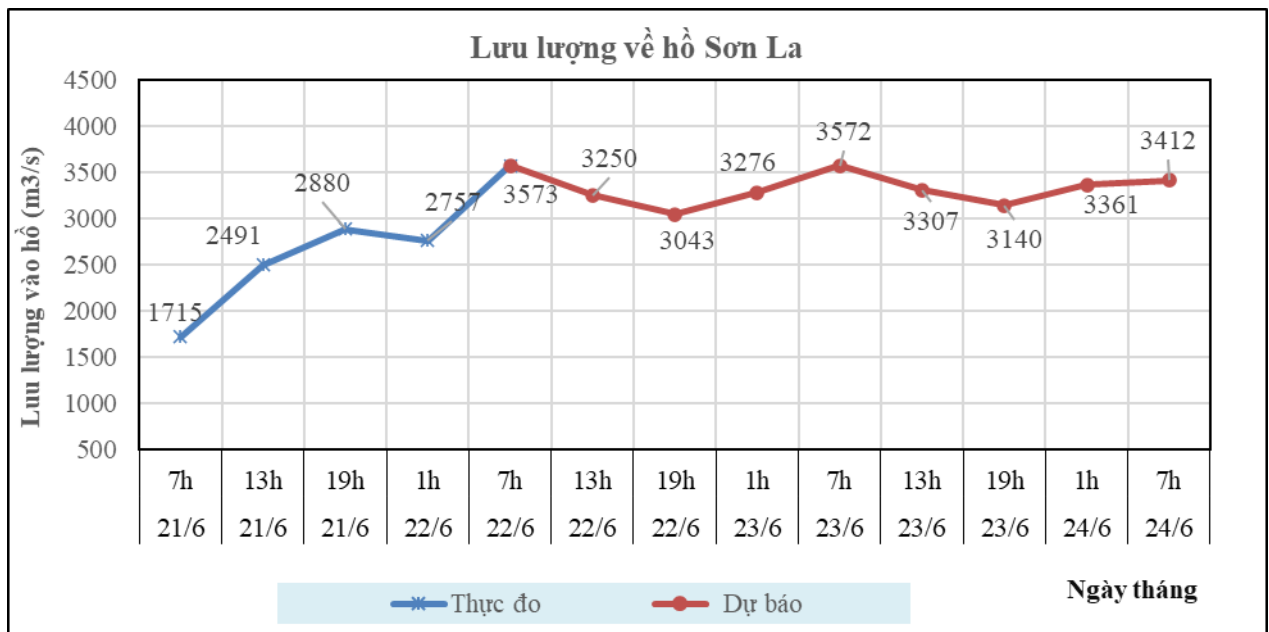
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

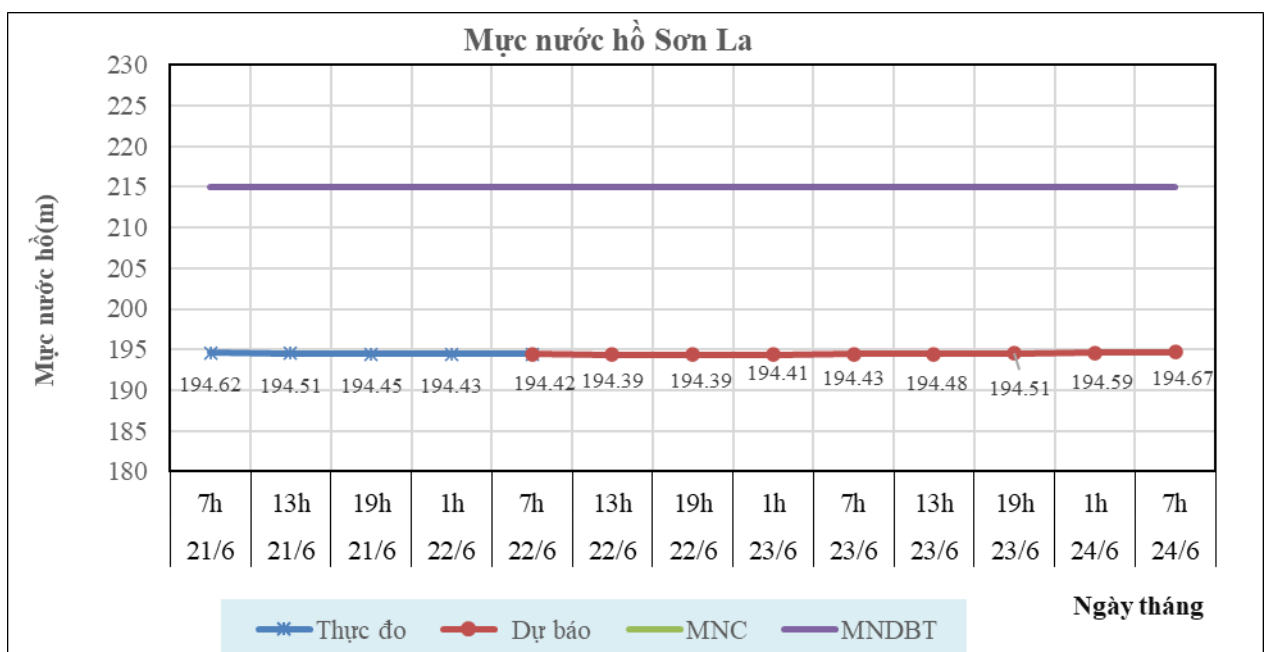
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/6/2025 đạt 3573m³/s, mực nước hồ đạt 194.42m, lưu lượng có xu thế tăng, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 3572m³/s, mực nước hồ 194.43m, 48h tới lưu lượng đạt 3412m³/s, mực nước đạt 194.67m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

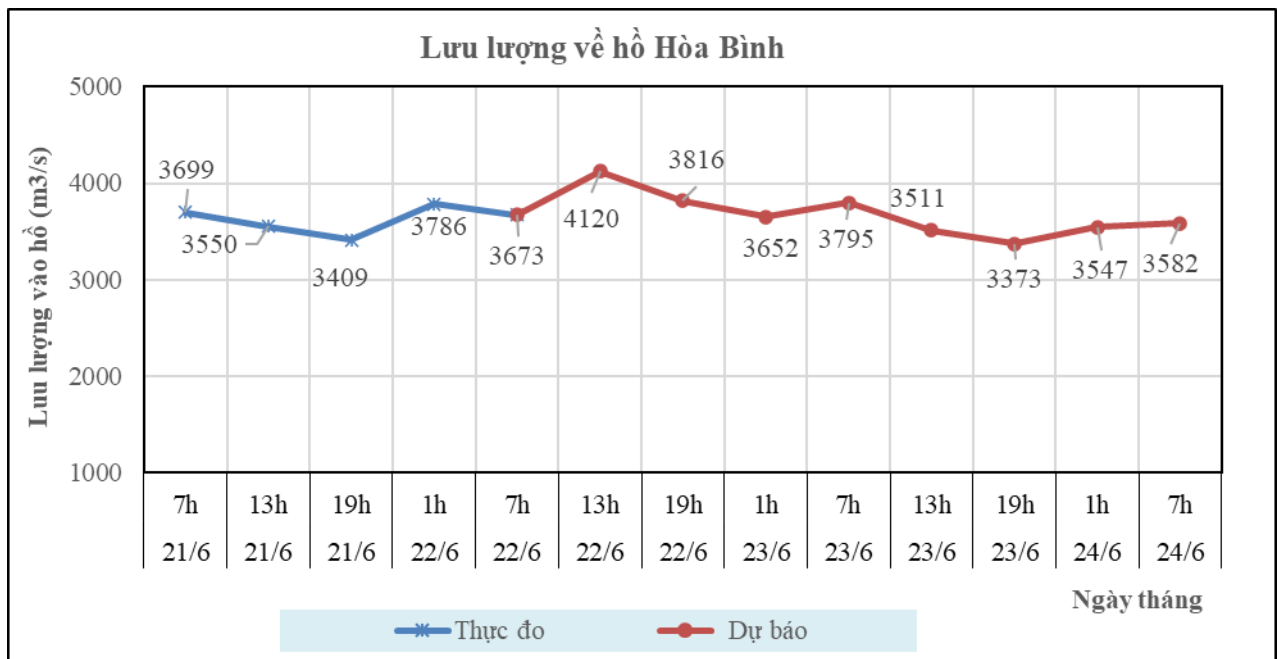
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

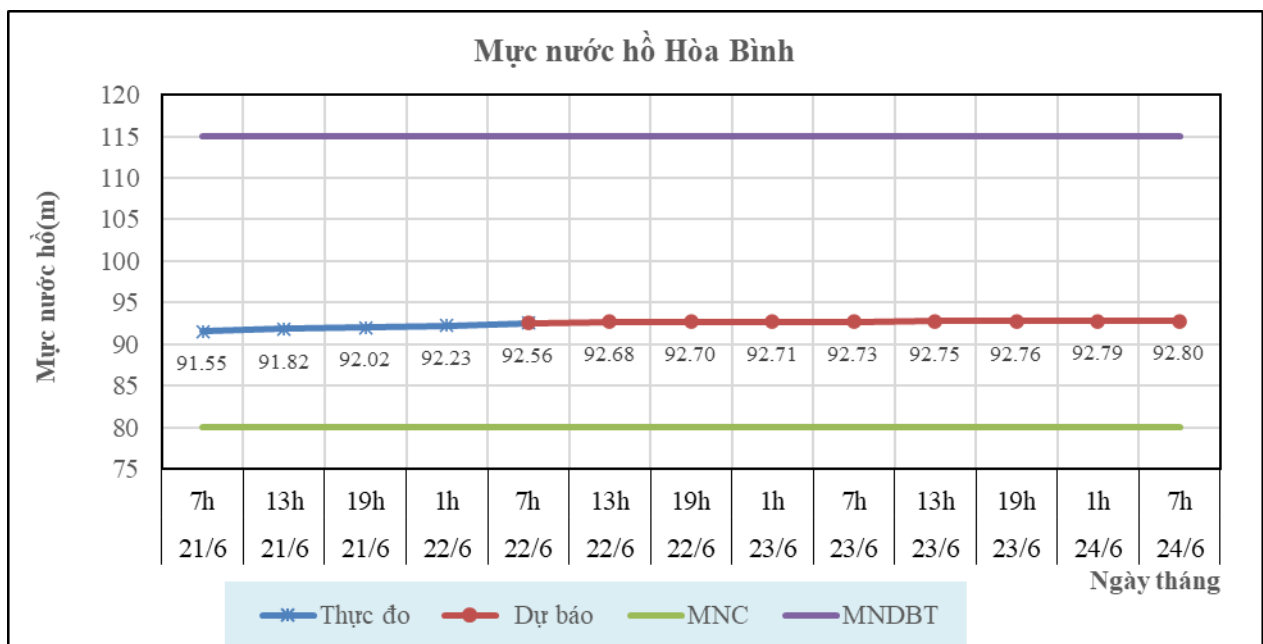
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/6/2025 đạt 3673m³/s, mực nước hồ đạt 92.56m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 3795m³/s, mực nước hồ 92.73m, 48h tới lưu lượng đạt 3582m³/s, mực nước đạt 92.80m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

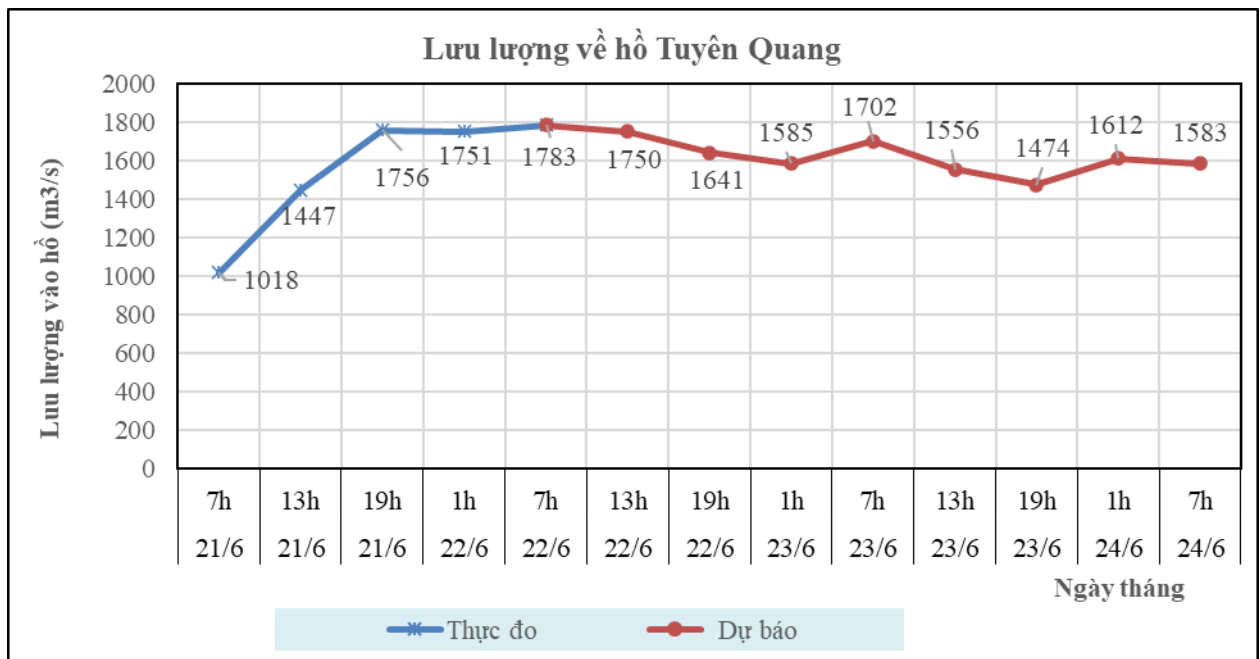
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

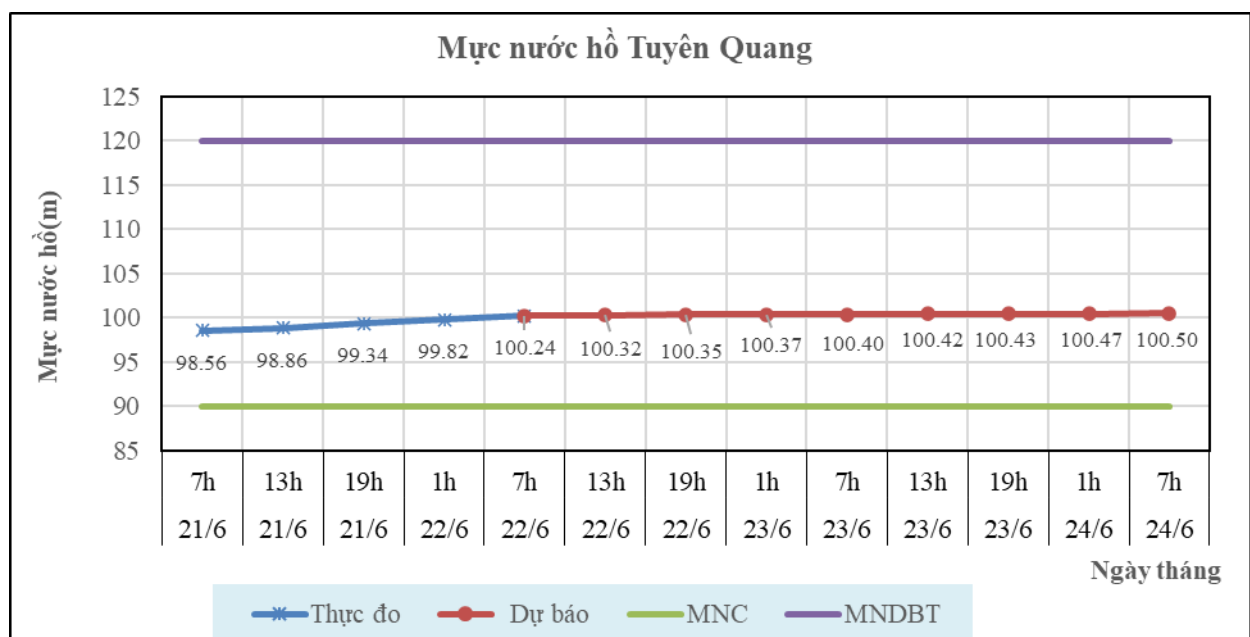
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/6/2025 đạt 1783m³/s, mực nước hồ đạt 100.24m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 1702m³/s, mực nước hồ 100.4m, 48h tới lưu lượng đạt 1583m³/s, mực nước đạt 100.5m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

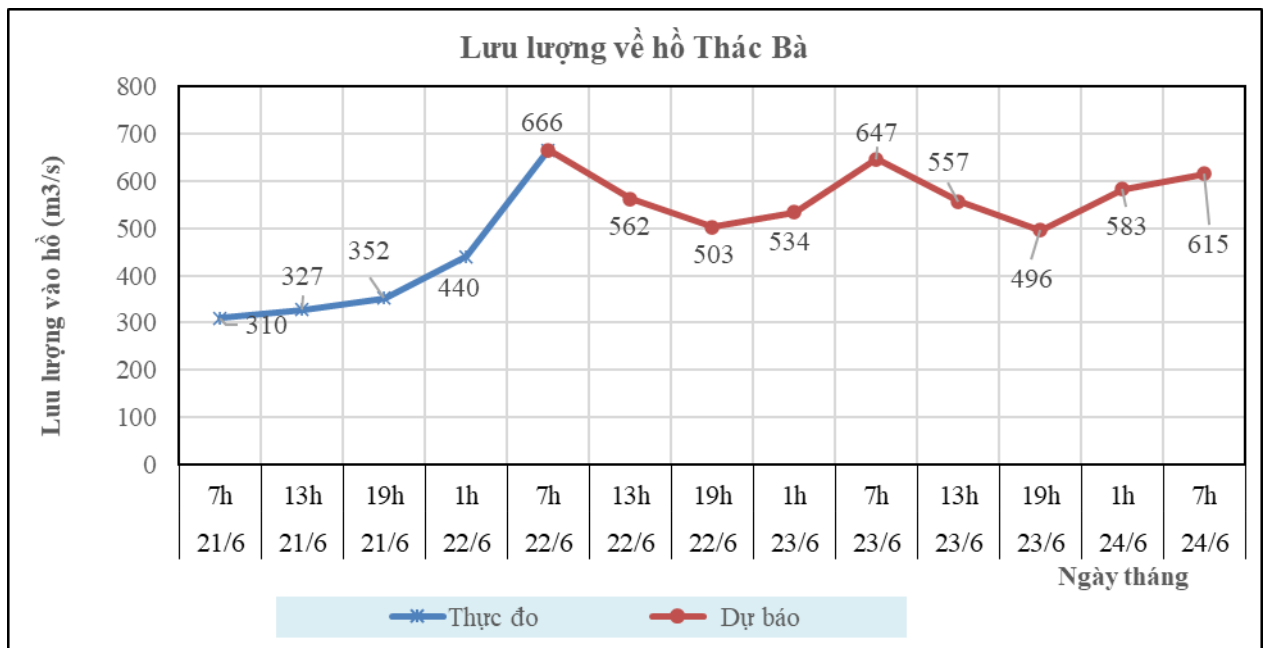
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

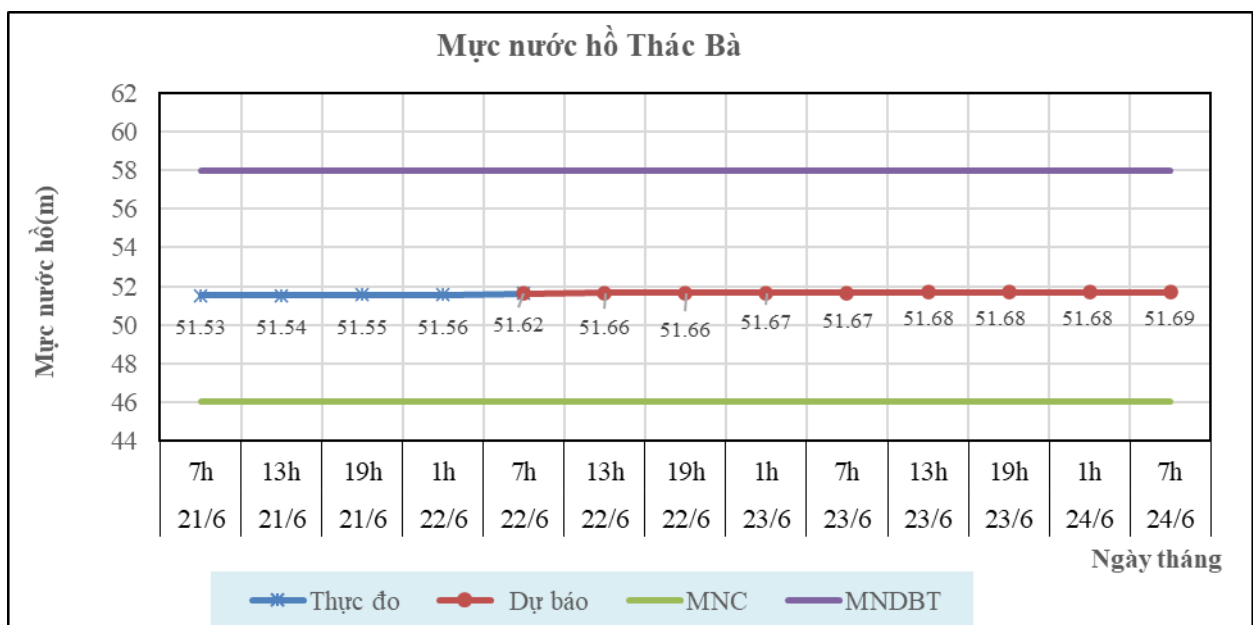
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 22/6/2025 đạt 666m³/s, mực nước hồ đạt 51.62m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 647m³/s, mực nước hồ 51.67m, 48h tới lưu lượng đạt 615m³/s, mực nước đạt 51.69m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m³/s)	Lưu lượng xả (m³/s)	Mức nước hồ (m)
1	22/6/2025	13h	0	0	3250	3105	194.39	0	0	4120	2285	92.68	0	0	1750	785	100.32	0	0	562	289	51.66
2		19h	0	0	3043	3104	194.39	0	0	3816	2250	92.70	0	0	1641	780	100.35	0	0	503	289	51.66
3	23/06/2025	1h	0	0	3276	2915	194.41	0	0	3652	2240	92.71	0	0	1585	770	100.37	0	0	534	289	51.67
4		7h	0	0	3572	2909	194.43	0	0	3795	2365	92.73	0	0	1702	768	100.40	0	0	647	289	51.67
5		13h	0	0	3307	2960	194.48	0	0	3511	2425	92.75	0	0	1556	770	100.42	0	0	557	289	51.68
6		19h	0	0	3140	2945	194.51	0	0	3373	2375	92.76	0	0	1474	770	100.43	0	0	496	289	51.68
7	24/06/2025	1h	0	0	3361	2240	194.59	0	0	3547	2855	92.79	0	0	1612	770	100.47	0	0	583	301	51.68
8		7h	0	0	3412	3002	194.67	0	0	3582	2370	92.80	0	0	1583	770	100.50	0	0	615	301	51.69